TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/KDTM-ST
Ngày: 09-07-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ẩn.
2- Bà Lê Thị Hạnh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 07 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2026/TLST-KDTM ngày 24 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2156/2026/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 05 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 2696/2026/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**; Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường Đ (phường L, quận Đ cũ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (V1): Ông **Ngô Chí D**, sinh năm: 1968; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông **Nguyễn Thế A**, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 3 *(theo Văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).*

Ông Nguyễn Thế A ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Quang P**, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp C và ông **Nguyễn Tài H**, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp C; Cùng địa chỉ: Tầng A số I C, phường B (Phường D, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh *(theo Văn bản ủy quyền số: 3719/2026/UQN-TP ngày 23/01/2026)*. (Có mặt)

- *Bị đơn*: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1**; Địa chỉ: F Đường số A, Khu dân cư Â, xã B (xã P, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông **Châu Thanh S**, sinh năm: 1974; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Căn hộ C Khu N – đường H1, Khu phố C, phường B (Phường F, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Châu Thanh S**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Căn hộ C Khu N, số B P, Khu phố C, phường B (Phường F, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) có đại diện theo ủy quyền lại là ông Nguyễn Quang P trình bày như sau:

Công ty TNHH S1 Đ đã vay vốn tại V1 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 21/04/2025. Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); Thời hạn hạn mức thẻ tín dụng đề nghị là: 60 tháng (Bằng chữ: Sáu mươi tháng); Lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 32%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Bản Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN được công bố trên website http://www.V1.com.vn (gọi tắt là Bản Điều kiện giao dịch chung).

Để bảo đảm cho khoản vay trên, V1 và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm là: Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Châu Thanh S theo Hợp đồng bảo lãnh số: HĐBL-21042025-01 ngày 21/04/2025.

Công ty TNHH S1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn. V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH S1 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty TNHH S1 cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH S1 có trách nhiệm thanh toán như sau:

- Công ty TNHH S1 Đ phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 09/07/2026 là: 135.191.750 đồng (Trong đó gồm có: Nợ gốc thẻ tín dụng: 98.857.002 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 36.334.748 đồng) (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Ngoài ra, kể từ ngày 10/07/2026, Công ty TNHH S1 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

- Trường hợp Công ty TNHH S1 không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên thì thì ông Châu Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH S1 theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với V1.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP V có ông Nguyễn Quang P vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Bị đơn – Đại diện Công ty TNHH S1 đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại địa chỉ doanh nghiệp: 61 Đường số A, Khu dân cư Â, xã B (xã P, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện Công ty TNHH S1 vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, đồng thời không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Châu Thanh S đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại địa chỉ: Căn hộ C Khu nhà ở xã H, số B P, Khu phố C, phường B (Phường F, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Châu Thanh S vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, ông Châu Thanh S không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Châu Thanh S vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi là V1) nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1, địa chỉ trụ sở tại: F Đường số A, Khu dân cư Â, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng với bị đơn, bị đơn vay vốn là để phục vụ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, hai bên đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Đại diện theo pháp luật của bị đơn; ông

Châu Thanh S vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Do hợp đồng tín dụng của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 09/07/2026 là: 135.191.750 đồng (Trong đó gồm có: Nợ gốc thẻ tín dụng: 98.857.002 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 36.334.748 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 10/07/2026, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên thì thì ông Châu Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bị đơn theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với nguyên đơn.

[6] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bị đơn là Công ty TNHH S1 (do nguyên đơn cung cấp) có địa chỉ trụ sở chính tại: F Đường số A, Khu dân cư Â, P, xã B (xã P, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định địa chỉ của bị đơn được xem là ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản, nếu có thay đổi nơi đặt địa chỉ trụ sở doanh nghiệp, nơi làm việc mới mà không thông báo cho người giao dịch hoặc cho bên ký hợp đồng biết về nơi đặt địa chỉ trụ sở doanh nghiệp, làm việc mới đó thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ của bị đơn, nên Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[7] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Châu Thanh S là người ký hợp đồng bảo lãnh (HĐBL-21042025-01 ngày 21/04/2025) cho bị đơn, đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết với nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, ông Châu Thanh S tự tước bỏ quyền được chứng minh và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ông S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Căn cứ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 21/04/2025, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Bản Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN được công bố trên website http://www.V1.com.vn (gọi tắt là Bản Điều kiện giao dịch chung). Trong quá trình

thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, sau nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 09/07/2026 là: 135.191.750 đồng (Trong đó gồm có: Nợ gốc thẻ tín dụng: 98.857.002 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 36.334.748 đồng) và tiếp tục trả lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[9] Để bảo đảm cho khoản vay trên, V1 và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Châu Thanh S sẽ Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Châu Thanh S theo Hợp đồng bảo lãnh số: HĐBL-21042025-01 ngày 21/04/2025. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn đề nghị ông Châu Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ nêu trên là có cơ sở xem xét.

[10] Các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức giao nhận tiền và nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 133, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 335, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 09/07/2026 là: 135.191.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) (Trong đó gồm có: Nợ gốc thẻ tín dụng: 98.857.002 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 36.334.748 đồng).

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 Đ còn phải thanh toán khoản tiền lãi

phát sinh từ ngày 10/07/2026 theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận được quy định tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ vay tín dụng.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 Đ không thanh toán số tiền nêu trên thì ông Châu Thanh S có trách nhiệm thanh toán thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 Đạt toàn bộ khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh (số: HĐBL-21042025-01 ngày 21/04/2025) đã ký.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.759.588 đồng (Sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) đã nộp (Nguyễn Quang P nộp thay), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016340 ngày 17/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thì hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

Nơi nhận:
- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

